

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/9/2020.
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cương.
2. Ông Dương Ngô Phiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị X, sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: xã ĐL, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn ĐC, xã TH, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn CC, xã ĐL, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Đào Thị X trình bày:

Chị và anh L có được tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL vào tháng 3-2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình chồng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 8/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể chung sống cùng nhau được nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Hoàng Tuấn K, sinh ngày 17/12/2012 và cháu Hoàng Minh Đ, sinh ngày 02/6/2014. Hiện cả hai con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Hoàng Văn L đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có lời khai trong hồ sơ.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình xử cho chị X được ly hôn anh L. Về việc nuôi con: Giao cháu Hoàng Tuấn K và cháu Hoàng Minh Đ cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; Chị X không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị X xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với anh L; Anh L có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị X, anh L.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐL, huyện Yên Thế. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy

định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh L có căn cứ xác định vợ chồng chị X có mâu thuẫn từ tháng 8/2019 và đã ly thân từ tháng 12 năm 2019 cho đến nay, dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đoàn tụ được, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không Đ được nên việc chị X xin ly hôn anh L là có căn cứ để chấp nhận.

- Về việc nuôi con: Chị X có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, anh L không có quan điểm trong hồ sơ vụ án. Cháu K và cháu Đ hiện đang ở ổn định cùng chị X; cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao cả hai con chung cho chị X nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị X không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Đào Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn L.

3. Về việc nuôi con: Giao cháu Hoàng Tuấn K, sinh ngày 17/12/2012 và cháu Hoàng Minh Đ, sinh ngày 02/6/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng; Chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị Đào Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị X đã nộp tại biên lai số AA/2016/0002322 ngày 20/5/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị X đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã ĐL, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang